

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

I. Thông tin chung về học phần

Tên học phần: **Luật dân sự và tố tụng dân sự**

Mã học phần: LAW304

Số tín chỉ: 03

Đối tượng học: Hệ đại học, ngành Luật

Loại học phần (Bắt buộc/Tự chọn): Bắt buộc

Môn tiên quyết/Môn học trước: Luật Hiến pháp

Đơn vị phụ trách: Khoa Kế toán – Tài chính

Thông tin giảng viên:

Giảng viên phụ trách:

II. Mô tả học phần

Học phần này giới thiệu cho sinh viên các vấn đề chung của Luật Dân sự gồm: hệ thống các nguyên tắc, các khái niệm về đối tượng và phương pháp điều chỉnh của Luật Dân sự, về các loại chủ thể, khách thể; khái quát về các căn cứ phát sinh, nội dung của các quan hệ tài sản và nhân thân thuộc đối tượng điều chỉnh của Luật Dân sự; về thay đổi, chấm dứt các quan hệ pháp luật dân sự cụ thể thuộc đối tượng điều chỉnh của luật dân sự; về chế định chủ thể, giám hộ, đại diện, giao dịch dân sự, tài sản và quyền sở hữu, quyền khác đối với tài sản, thừa kế.

III. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của học phần

1. Mục tiêu:

Học phần Luật dân sự 1 góp phần cung cấp cho người học những kiến thức nền tảng của Luật dân sự về lý luận chung về luật dân sự, quan hệ pháp luật dân sự, giao dịch dân sự, đại diện, thời hạn, thời hiệu, tài sản và quyền sở hữu, quyền khác đối với tài sản, thừa kế. Trên cơ sở nắm vững kiến thức cơ bản, người học có thể vận dụng vào nghiên cứu các khoa học khác cũng như nhìn nhận, đánh giá về các vấn đề phát sinh trong lĩnh vực dân sự được pháp luật dân sự Việt Nam điều chỉnh.

2. Chuẩn đầu ra

Chuẩn đầu ra của học phần		Đáp ứng PLOs
Sau khi học xong học phần này, người học có thể:		Cử nhân Luật
Kiến thức		
CLO1	Hiểu và nắm được những vấn đề lý luận cơ bản của Luật dân sự; hiểu được vai trò của Luật dân sự trong việc điều chỉnh các quan hệ pháp luật dân sự trong đời sống xã hội.	PLO2

CLO2	Phân tích được những vấn đề lý luận của Luật dân sự về quan hệ pháp luật dân sự, giao dịch dân sự, thời hạn, thời hiệu, đại diện, tài sản và quyền sở hữu, quyền khác đối với tài sản	PLO3
CLO3	Phân tích được các nội dung và vận dụng được các quy định của pháp luật dân sự về chủ thể, giao dịch dân sự, thời hạn, thời hiệu, giám hộ, đại diện, tài sản và quyền sở hữu, quyền khác với tài sản, thừa kế để ứng dụng trong quá trình thực hiện pháp luật dân sự trong thực tiễn.	PLO3
CLO4	Áp dụng các kiến thức được học, xác định, phân tích và giải quyết được các tình huống về tài sản, quyền sở hữu, giao dịch dân sự và thừa kế	PLO6
CLO5	Vận dụng kiến thức được học, tư vấn giải quyết một số tình huống pháp luật dân sự đơn giản về giao dịch dân sự, tài sản, thừa kế	PLO7
Kỹ năng		
CLO6	Có khả năng phân tích, tổng hợp thông tin để nhận định chính xác các vấn đề pháp luật dân sự cần giải quyết	PLO10
CLO7	Có khả năng thuyết trình, thực hiện việc thuyết trình các vấn đề trước mọi người	PLO12
Năng lực tự chủ và trách nhiệm		
CLO8	Có phẩm chất đạo đức, tôn trọng đồng nghiệp, có tính kỷ luật cao, sẵn sàng đảm nhiệm công việc tại nơi làm việc	PLO14
CLO9	Có khả năng tự định hướng, thích nghi với môi trường làm việc khác nhau	PLO15

Ghi chú: *PLOs (Programme Learning Outcomes): Chuẩn đầu ra cấp CTĐT*

CLOs (Course Learning Outcomes): Chuẩn đầu ra học phần

3. Mức độ đóng góp của học phần cho PLOs

Học phần này đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo Cử nhân Luật theo mức độ sau: (bảng sau đây là trích ngang của matrix: Sự đóng góp của mỗi học phần cho PLOs của CTĐT Cử nhân Luật)

L (Low): Đóng góp ít/liên quan ít

M (Medium): Đóng góp không nhiều/liên quan không nhiều

H (High): Đóng góp nhiều/liên quan nhiều

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho PLOs của CTĐT														
		PL O 1	PL O 2	PL O 3	PL O 4	PL O 5	PL O 6	PL O 7	PL O 8	PL O 9	PL O 10	PL O 11	PL O 12	PL O 13	PL O 14	PL O 15
LAW 304	Luật dân sự và tố tụng dân sự		M	H			H	H			H		H		H	H

IV. Nội dung

1. Phân bổ thời gian và điều kiện thực hiện

STT	Tên chương	Lý thuyết (tiết)	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập (tiết)	Dụng cụ và trang thiết bị cần thiết
1	Chương 1: Khái niệm chung về Luật dân sự Việt Nam	2	0	Bảng, phấn, máy chiếu, giáo trình, Bộ luật Dân sự.
2	Chương 2: Quan hệ pháp luật dân sự	2	2	
3	Chương 3: Giao dịch dân sự, đại diện, thời hạn, thời hiệu	6	6	
4	Chương 4: Tài sản, quyền sở hữu, quyền chiếm hữu, quyền khác đối với tài sản	4	6	
5	Chương 5: Thừa kế	6	6	
Tổng		20	20	

2. Nội dung chi tiết

Chương 1. Khái niệm chung về Luật dân sự Việt Nam

1.1. Đối tượng và phương pháp điều chỉnh của luật dân sự

1.1.1. Đối tượng điều chỉnh của luật dân sự

1.1.2. Phương pháp điều chỉnh của luật dân sự.

1.1.3. Định nghĩa luật dân sự, phân biệt luật dân sự với các ngành luật khác.

1.2. Nguồn của luật dân sự.

1.2.1. Khái niệm và phân loại nguồn của luật dân sự

1.2.2. Quy phạm pháp luật dân sự

1.2.3. Áp dụng luật dân sự, áp dụng tập quán và áp dụng tương tự luật dân sự.

1.3. Nhiệm vụ, nguyên tắc của luật dân sự

1.3.1. Nhiệm vụ của luật dân sự

1.3.2. Những nguyên tắc của luật dân sự

Chương 2. Quan hệ pháp luật dân sự

2.1. Khái niệm quan hệ pháp luật dân sự

2.1.1. Quan hệ pháp luật dân sự và đặc điểm của quan hệ pháp luật dân sự

2.1.2. Thành phần của quan hệ pháp luật dân sự

2.1.3. Phân loại quan hệ pháp luật dân sự

2.1.4. Căn cứ làm phát sinh, thay đổi, chấm dứt quan hệ pháp luật dân sự

2.2. Cá nhân – chủ thể của quan hệ pháp luật dân sự

2.2.1. Năng lực pháp luật dân sự của cá nhân

2.2.2. Năng lực hành vi dân sự của cá nhân

2.2.3. Giám hộ

2.2.4. Nơi cư trú của cá nhân

2.3. Pháp nhân – chủ thể của quan hệ pháp luật dân sự

2.3.1. Khái niệm pháp nhân

2.3.2. Địa vị pháp lý và các yếu tố lý lịch của pháp nhân

2.3.3. Thành lập và đình chỉ pháp nhân

2.3.4. Nhà nước – chủ thể đặc biệt của quan hệ pháp luật dân sự

2.4. Hộ gia đình, tổ hợp tác – chủ thể của quan hệ pháp luật dân sự

2.4.1. Hộ gia đình

2.4.2. Tổ hợp tác

Chương 3. Giao dịch dân sự, đại diện thời hạn và thời hiệu

3.1. Giao dịch dân sự

3.1.1. Khái niệm giao dịch dân sự

3.1.2. Đặc điểm của giao dịch dân sự

3.1.3. Điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự

3.1.4. Giao dịch dân sự vô hiệu và hậu quả pháp lý của giao dịch dân sự vô hiệu

3.2. Đại diện

3.2.1. Khái niệm đại diện

3.2.2. Phân loại đại diện

3.2.3. Phạm vi, thẩm quyền đại diện

3.2.4. Chấm dứt đại diện

3.3. Thời hạn và thời hiệu

3.3.1. Thời hạn

3.3.1.1. Khái niệm và ý nghĩa của thời hạn

3.3.1.2. Phân loại thời hạn

3.3.2. Thời hiệu

3.3.2.1. Khái niệm và ý nghĩa của thời hiệu

3.3.2.2. Phân loại thời hiệu

3.3.2.3. Cách tính thời hiệu

Chương 4. Tài sản, quyền sở hữu, quyền chiếm hữu và quyền khác đối với tài sản

4.1. Khái niệm sở hữu và quyền sở hữu

4.1.1. Sở hữu và quan hệ sở hữu

4.1.2. Khái niệm quyền sở hữu

4.2. Tài sản và phân loại tài sản

4.2.1. Khái niệm và đặc điểm

4.2.2. Phân loại tài sản

4.3. Quan hệ pháp luật dân sự về sở hữu.

4.3.1. Chủ thể của quyền sở hữu

4.3.2. Khách thể của quyền sở hữu

4.3.2.1. Khái niệm tài sản

4.3.2.2. Khái niệm bất động sản và động sản

4.3.2.3. Phân loại vật và chế độ pháp lý đối với vật

4.3.3. Nội dung của quyền sở hữu

4.3.3.1. Quyền chiếm hữu

4.3.3.2. Quyền sử dụng

4.3.3.3. Quyền định đoạt

4.4. Căn cứ xác lập và chấm dứt quyền sở hữu

4.4.1. Căn cứ xác lập quyền sở hữu

4.4.2. Căn cứ chấm dứt quyền sở hữu.

4.5. Các hình thức sở hữu

4.6. Bảo vệ quyền sở hữu

4.6.1. Khái niệm

4.6.2. Các phương thức bảo vệ quyền sở hữu

4.7. Quyền chiếm hữu

4.7.1. Khái niệm chiếm hữu

4.7.2. Các hình thức chiếm hữu

4.8. Quyền hưởng dụng

4.8.1. Khái niệm và đặc điểm của quyền hưởng dụng

4.8.2. Quyền và nghĩa vụ của bên hưởng dụng và bên được hưởng dụng

4.8.3. Căn cứ phát sinh quyền hưởng dụng

4.9. Quyền bề mặt

4.9.1. Khái niệm và đặc điểm của quyền bề mặt

4.9.2. Căn cứ phát sinh quyền bề mặt

Chương 5. Thừa kế

5.1. Một số quy định chung về thừa kế

5.1.1. Người để lại di sản thừa kế

5.1.2. Người thừa kế

5.1.3. Thời điểm, địa điểm mở thừa kế

5.1.4. Di sản thừa kế

5.1.5. Người quản lý di sản

5.1.6. Việc thừa kế của những người có quyền thừa kế của nhau mà chết cùng một thời điểm

5.1.7. Những người không được hưởng di sản

5.1.8. Thời hiệu khởi kiện về thừa kế

5.2. Thừa kế theo di chúc

5.2.1. Khái niệm di chúc và thừa kế theo di chúc

5.2.2. Người lập di chúc

5.2.3. Người thừa kế không phụ thuộc vào nội dung của di chúc

5.2.4. Các điều kiện có hiệu lực của di chúc

5.2.5. Hiệu lực pháp luật của di chúc

5.2.6. Di sản dùng vào việc thờ cúng

5.2.7. Di tặng

5.3. Thừa kế theo pháp luật

5.3.1. Khái niệm thừa kế theo pháp luật

5.3.2. Những trường hợp thừa kế theo pháp luật

5.3.3. Diện và hàng thừa kế theo pháp luật

5.3.4. Thừa kế thế vị

5.4. Thanh toán và phân chia di sản

5.4.1. Thanh toán các nghĩa vụ về tài sản của người chết để lại

5.4.2. Phân chia di sản thừa kế

5.4.3. Hạn chế phân chia di sản thừa kế.

Chương 6. Tổ tụng dân sự

6.1. Những vấn đề lý luận chung về luật tố tụng dân sự

6.1.1. Một số khái niệm trong Luật Tố tụng dân sự

6.1.2. Các nguyên tắc cơ bản của Luật Tố tụng dân sự

6.1.3. Chủ thể tiến hành tố tụng

6.1.4. **Thẩm quyền của toà án nhân dân**

6.2. Chứng cứ và chứng minh trong tố tụng dân sự

6.2.1. Khái niệm

6.2.2. Nguồn chứng cứ

6.2.3. Nguyên tắc xác định chứng cứ

6.2.4. Chứng minh trong tố tụng dân sự

6.3 Các giai đoạn tố tụng dân sự

6.3.1. Thủ tục sơ thẩm vụ án dân sự

6.3.2. Thủ tục phúc thẩm vụ án dân sự

6.3.3. Thủ tục xét lại các bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật

6.4 Thủ tục giải quyết việc dân sự

6.4.1. Khái niệm và đặc điểm

6.4.2. Thủ tục chung giải quyết việc dân sự

6.4.3. Thủ tục sơ thẩm việc dân sự

6.4.4. Thủ tục phúc thẩm việc dân sự

V. Phương pháp đánh giá học phần

1. Điểm đánh giá quá trình

Bao gồm:

- Điểm chuyên cần: Điểm danh, tích cực tham gia thảo luận, làm bài tập trên lớp; trọng số 20%

- Điểm kiểm tra thường xuyên: 02 bài trọng số 30%

2. Điểm thi kết thúc học phần:

Hình thức thi: tự luận, trọng số 50%

VI. Phương pháp giảng dạy và học tập

1. Phương pháp giảng dạy

- Thuyết giảng trên lớp;

- Hỏi - đáp trực tiếp;

- Giao bài đọc về nhà;

- Hướng dẫn tự học.

2. Phương pháp học tập

- Sinh viên tham gia nghe giảng;

- Sinh viên đọc bài giảng và các tài liệu liên quan, từ đó phát triển giả thuyết và đặt câu hỏi;

- Sinh viên tích cực tham gia các hoạt động trên lớp;

- Trao đổi kỹ năng học nhóm, làm tiểu luận; chấp hành các quy định về thời gian lên lớp, thời hạn nộp bài, chất lượng các bài tập, bài kiểm tra và tìm kiếm thông tin.

VII. Tài liệu học tập

1. Tài liệu chính

[1]. Trường Đại học Luật Hà Nội (2018), Giáo trình Luật Dân sự Việt Nam, Tập 1,2, Nxb. CAND, Hà Nội.

2. Tài liệu tham khảo

[2]. Nguyễn Ngọc Điện (2015), Bình luận khoa học BLDS 2015, Nxb. Trẻ Thành phố Hồ Chí Minh.

[3]. Phùng Trung Tập (2005), Luật thừa kế Việt Nam, Hà Nội, 2005.

[4]. Phạm Văn Tuyết (2018), Hướng dẫn học Luật Dân sự 1, NXB CAND, Hà Nội.

[5]. Nguyễn Ngọc Điện (2015), Bình luận khoa học BLDS 2015, Nxb, Trẻ Thành phố Hồ Chí Minh.

**TRƯỜNG KHOA
KẾ TOÁN – TÀI CHÍNH**

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2021
Giảng viên biên soạn